

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17/12/2020

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Đức

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 470/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà T.T.T, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp PH, xã AB, huyện TS, tỉnh An Giang. Có mặt.

\* *Bị đơn:* Ông B.V.TR, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp PH, xã AB, huyện TS, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà T.T.T trình bày như sau:* Bà và ông B.V.TR do tự tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 8 năm 1987, không có tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông TR có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn ông B.V.TR. Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng

ông bà có 01 con chung tên B.V.D, sinh ngày 08/8/1988, đã trưởng thành và có khả năng lao động. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có

*Theo tờ tự khai và biên bản hòa giải ngày 02/12/2020, bị đơn ông B.V.T trình bày như sau:*

Ông thống nhất theo lời trình bày của bà T về điều kiện tiến tới hôn nhân. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông đi làm ăn xa, có những mối quan hệ bạn bè. Từ đó, bà T ghen tuông vô cớ và ông có giải thích nhưng bà T không tha thứ. Vợ chồng sống ly thân khoảng năm 2018 đến nay. Nay, bà T yêu cầu được ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn. Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng ông bà có 01 con chung tên B.V.D, sinh ngày 08/8/1988, đã trưởng thành và có khả năng lao động. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có

Do hiện nay ông bận công việc đi làm ăn xa nên không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, ông có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ông B.V.TR (là bị đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông TR theo quy định tại khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông TR chung sống với nhau như vợ chồng vào từ tháng 8/1987 nhưng đến nay vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. T do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông TR, đồng thời phía ông TR cũng chấp nhận ly hôn. Do hôn nhân giữa bà T và ông TR vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân mà căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông TR.

[2.2] Về con chung:

Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà có 01 con chung tên B.V.D, sinh ngày 08/8/1988. Hiện nay, con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông TR thống nhất không có nên HĐXX không xem xét.

[3] Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

\* Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T.T.T và ông B.V.TR.

\* Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông TR thống nhất không có nên HĐXX không xem xét.

\* Về án phí sơ thẩm: Bà T.T.T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008034 ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông TR được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Vân**